

Bản án số: **15/2020/HS-ST**

Ngày: 14/4/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Đình

Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ B Phủ, tỉnh Đ B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Phủ, tỉnh Đ B tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ B Phủ, tỉnh Đ B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2020/TLST- HS ngày 24 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 04 ngày 17 tháng 3 năm 2010 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn D; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 12/10/1990 tại tỉnh Đ B; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Đội 6, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Đầu bếp; Trình độ văn hóa: 10/12; Họ và tên bố: Nguyễn Văn M (đã chết); Họ và tên mẹ: Vũ Thị S - Sinh năm: 1950; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản (Ngày 27/9/2016 Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh áp dụng điểm c (tái phạm nguy hiểm) Khoản 2 Điều 138, điểm p Khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn D 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 19/12/2018 D chấp hành xong hình phạt tù và trở về địa phương sinh sống); Nguyễn Văn D là người có nhân thân xấu (Năm 2009 D bị áp xử phạt 500.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng. Ngày 18/11/2010 Tòa án nhân dân thành phố Đ B Phủ, tỉnh Đ B xử phạt Nguyễn Văn D 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 28/11/2011 Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Đ B xử phạt Nguyễn Văn D 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản);

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 09/11/2019 đến ngày 11/11/2019 sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại nhà tạm giam Công an thành phố Đ B Phủ cho đến ngày xét (*có mặt tại phiên tòa*);

* Bị hại: Bà Nguyễn Thị H- Sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường H L, thành phố Đ B Phủ, tỉnh Đ B (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 22 giờ, ngày 22/10/2019, Nguyễn Văn D đi lang thang một mình đến khu vực tổ dân phố 06, phường H L, thành phố Đ B Phủ, thấy cổng nhà chị Nguyễn Thị H khép hờ, trong sân dựng chiếc xe máy Honda Wave Rs biển kiểm soát 27 H1-7196 màu trắng - đỏ - đen, trên xe lắp giá để hàng bằng sắt màu đen, đầu xe hướng vào nhà, xe đang cắm chìa khóa điện. Do không có người trong nhà, D nảy sinh ý định chiếm đoạt làm phương tiện đi lại nên lén lút mở cổng đi vào dắt xe lùi ra đường nổ máy đi hướng lên đầu thành phố. Trên đường đi D nhặt chiếc mũ bảo hiểm màu trắng ở thùng rác đội, đi đến khu vực tổ dân phố 01, xã Thanh Minh D giấu xe vào bụi cây ven đường và ngủ ở đó. Sáng ngày 23/10/2019 D đi xe trộm cắp đến khu vực cổng chào, vào nhà người dân không quen biết mượn cớ lê tháo giá để hàng vứt xuống ven đường. Ngày 26/10/2019, do xe trộm cắp của chị H gần hết xăng, D vứt ở ven đường thuộc khu vực bản Nà Nội, xã Nà Nhạn rồi lấy trộm 01 chiếc xe máy Honda Airblade BKS 27B1-379.11 đi về thành phố Hải Phòng. Trên đường đi D làm rơi chìa khóa xe Honda Wave Rs.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Phủ giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 84/QĐ ngày 09/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ B Phủ xác định: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, màu đỏ - đen - bạc; Biển kiểm soát 27H1-7196; số máy 0687105; số khung: 069908, đã qua sử dụng trị giá 5.400.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, màu đỏ - đen - bạc; Biển kiểm soát 27H1-7196; số máy 0687105; số khung: 069908, đã qua sử dụng mang tên Nguyễn Thị H và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị H Cơ quan Công an đã trả tài sản trên cho bị hại, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Đối với 01 chiếc mũ bảo hiểm màu sơn trắng bị cáo đã nhặt được tại thùng rác. Xét chiếc mũ không còn giá trị đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Tại bản Cáo trạng số: 12/CT- VKSTPĐBP ngày 24/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Phủ, tỉnh Đ B truy tố Bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Phủ, tỉnh Đ B giữ nguyên quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với phần hình phạt của Bản án số 21/2020/HSST ngày 19/02/2020 là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, buộc bị cáo phải chấp hành 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng đến 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (11/11/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Chấp nhận biên bản trao trả tài sản cho bị hại. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc mũ không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra bị cáo khai trùng khớp với lời khai của bị hại, thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo để Bị cáo S trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn D khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với đơn trình báo, biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm, mọi lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp, lời khai của bị hại; Kết luận định giá, Kết luận điều tra, các bản cung có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 22 giờ, ngày 22/10/2019 tại khu vực tổ 06, phường H L thành phố Đ B Phủ, tỉnh Đ B, Bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị H có trị giá 5.400.000 đồng, bị cáo đã Tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý nên phải chịu tình tiết định khung là Tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự thì: Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm:

...g) Tái phạm nguy hiểm.”

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực

hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố Bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[2] Về tính chất của vụ án: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Bị cáo đã coi thường pháp luật. Chính vì vậy, Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của Bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bố bị cáo được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Nhân thân của bị cáo: Nguyễn Văn D là người có nhân thân xấu (Năm 2009 D bị áp xử phạt 500.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng. Ngày 18/11/2010 Tòa án nhân dân thành phố Đ B Phủ, tỉnh Đ B xử phạt Nguyễn Văn D 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 28/11/2011 Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Đ B xử phạt Nguyễn Văn D 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản).

Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đối với Bị cáo là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

Ngoài hình phạt chính Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, xét thấy Bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

Đối với hành vi bị cáo trộm cắp chiếc xe Honda Aiblade BKS 27B1-379.11 đã bị Công an huyện khởi tố và Tòa án huyện Đ B đưa ra xét xử tại Bản án số 21/2020/HSST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Đ B (Bản án đã có hiệu lực pháp luật). HĐXX căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 56 BLHS tổng hợp chung cho hai bản án.

[4] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, màu đỏ - đen – bạc; Biển kiểm soát 27H1-7196; số máy 0687105; số khung: 069908; 01 chiếc giá để hàng; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Hồng; 01 chiếc khóa xe do bị cáo đã lấy của chị Nguyễn Thị Hồng. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu chiếc xe máy và đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Thị Hngày

29/11/2019, đối với chiếc giá để hàng và 01 chiếc khóa xe do bị cáo đã đánh mất, chỉ Hcó đơn xin xét xử vắng mặt. về trách nhiệm dân sự chỉ Hkhông yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Về trách nhiệm hình sự đề nghị HĐXX xét xử bị cáo theo quy định của Pháp Luật. Xét thấy việc trả lại tài sản là có căn cứ, do vậy HĐXX chấp nhận.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với 01 chiếc mũ bảo hiểm màu sơn trắng bị cáo đã nhặt được tại thùng rác. Xét chiếc mũ không còn giá trị, tịch thu tiêu hủy.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[7] Về án phí:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*". Xử phạt bị cáo: **03** (ba) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với phần hình phạt còn phải chấp hành tại bản án số: 21/2020/HSST ngày 19/02/2020 là **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù, buộc bị cáo phải chấp hành **06** (sáu) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (11/11/2019).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc mũ bảo hiểm màu sơn trắng, loại mũ nửa đầu, có kính chắn gió phía trước, trên mũ có chữ HARLEY, mũ cũ, đã qua sử dụng.

Vật chứng đã được Công an thành phố Đ B Phủ bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ B Phủ ngày 25/02/2020.

- Chấp nhận bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường

- Chấp nhận các biên bản về việc trả lại tài sản ngày 29/11/2019.

3. Về án phí:

Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/4/2020). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nhà tạm giữ CATPĐBP;
- VKSND TP Đ B Phủ;
- VKSND tỉnh Đ B;
- CQCSĐT CATPĐBP;
- Bị hại;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐB Phủ;
- Tòa án ND tỉnh Đ B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

